

Số: 1659/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định 1574/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao nhiệm vụ thẩm định, ủy quyền phê duyệt dự án và ủy quyền quyết định việc xây dựng công trình khẩn cấp thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 4003/TTr-SXD ngày 21 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp;
- Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP,
KT, TTTT-HN, TTPVHCC;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC_(Hộ).

[Signature]

[Signature]
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Lương Tuấn Hùng

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (02 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư	Sở Xây dựng	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: <i>Căn cứ pháp lý; thành phần hồ sơ; thời gian thực hiện</i>
2	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng / Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.	UBND xã/phường	Nội dung được sửa đổi, bổ sung: <i>Căn cứ pháp lý; thành phần hồ sơ; thời gian thực hiện</i>

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Đối với dự án nhóm A

- Người đề nghị thẩm định nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại Sở Xây dựng (cơ quan thẩm định).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan thẩm định có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ. Gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ (trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo yêu cầu tại mục 1.3); trả lại hồ sơ thẩm định bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối thực hiện

thẩm định (Trường hợp không đúng với thẩm quyền; không thuộc đối tượng phải thẩm định; hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ); gửi văn bản đến các cơ quan liên quan xin ý kiến (nếu cần).

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản xin ý kiến thẩm định của cơ quan thẩm định; người đề nghị thẩm định thực hiện bổ sung hồ sơ theo yêu cầu; các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến phải có văn bản trả lời.

- Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung của người trình thẩm định, ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan thẩm định ra văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi người đề nghị thẩm định.

b) Đối với dự án nhóm B

- Người đề nghị thẩm định nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại Sở Xây dựng (cơ quan thẩm định).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan thẩm định có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ. Gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ (trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo yêu cầu tại mục 1.3); trả lại hồ sơ thẩm định bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định (Trường hợp không đúng với thẩm quyền; không thuộc đối tượng phải thẩm định; hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ); gửi văn bản đến các cơ quan liên quan xin ý kiến (nếu cần).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản xin ý kiến thẩm định của cơ quan thẩm định; người đề nghị thẩm định thực hiện bổ sung hồ sơ theo yêu cầu; các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến phải có văn bản trả lời.

- Trong thời hạn tối đa 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung của người trình thẩm định, ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan thẩm định ra văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi người đề nghị thẩm định.

c) Đối với dự án nhóm C

- Người đề nghị thẩm định nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại Sở Xây dựng (cơ quan thẩm định).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan thẩm định có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ. Gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ (trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo yêu cầu tại mục 1.3); trả lại hồ sơ thẩm định bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định (Trường hợp không đúng với thẩm quyền; không thuộc đối tượng phải thẩm định; hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ); gửi văn bản đến các cơ quan liên quan xin ý kiến (nếu cần).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản xin ý kiến thẩm định của cơ quan thẩm định; người đề nghị thẩm định thực hiện bổ sung hồ sơ theo yêu cầu; các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến phải có văn bản trả lời.

- Trong thời hạn tối đa 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung của người trình thẩm định, ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan thẩm định ra văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi người đề nghị thẩm định.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến. Hồ sơ TTHC phải được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng dự án hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án hoặc quyết định phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đối với dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;

- Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng thầu dự án có sử dụng đất hoặc văn bản pháp lý khác có giá trị tương đương đối với dự án thuộc trường hợp được chuyển tiếp theo quy định pháp luật về đầu tư không có yêu cầu phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Văn bản phê duyệt phương án thiết kế kiến trúc được lựa chọn theo pháp luật về kiến trúc thông qua thi tuyển và bản vẽ kèm theo (nếu có yêu cầu thi tuyển);

- Văn bản chấp thuận/quyết định phê duyệt và các bản vẽ quy hoạch có liên quan của quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP;

- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng (nếu có);

- Các văn bản pháp lý, tài liệu khác có liên quan (nếu có);

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt;

- Báo cáo kinh tế kỹ thuật (gồm thuyết minh và thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế công nghệ (nếu có)); Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP (nếu có);

- Đối với dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt có yêu cầu chấp thuận danh mục tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về đường sắt, hồ sơ trình thẩm định phải có văn bản chấp thuận danh mục tiêu chuẩn của cơ quan có thẩm quyền;

- Hồ sơ tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu có liên quan về giá, định mức, báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có) để xác định tổng mức đầu tư;

- Đối với dự án có vi phạm hành chính về xây dựng đã bị xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả có yêu cầu thực hiện thẩm định, thẩm định điều chỉnh, cấp giấy phép xây dựng hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Báo cáo của chủ đầu tư về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời điểm trình thẩm định; biên bản, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cấp có thẩm quyền; Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của phần công trình đã thi công xây dựng;

- Đối với dự án sửa chữa, cải tạo, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Hồ sơ khảo sát hiện trạng, Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của công trình (trường hợp nội dung sửa chữa, cải tạo có liên quan).

- Đối với hồ sơ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên còn phải làm rõ các nội dung sau:

+ Lý do, mục tiêu điều chỉnh dự án, việc đáp ứng điều kiện điều chỉnh dự án theo pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, dự án PPP;

+ Báo cáo của chủ đầu tư hoặc cơ quan chuẩn bị dự án về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời điểm đề xuất điều chỉnh.

- Ngoài các hồ sơ nêu trên, đối với các công trình xây dựng mới từ cấp II trở lên, người đề nghị thẩm định có trách nhiệm cung cấp dữ liệu BIM được nộp theo các định dạng chuẩn mở IFC hoặc các định dạng mở khác phù hợp với đặc thù, tính chất của công trình (trừ trường hợp người quyết định đầu tư quyết định việc không áp dụng BIM đối với dự án đầu tư xây dựng công trình theo tuyến, dự án đầu tư xây dựng tại khu vực có tính chất đặc thù, dự án có yêu cầu bảo đảm bí mật nhà nước)

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với dự án nhóm A: Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm thời gian thực hiện công trình cấp I của dự án nhóm A từ 25 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc)

- Đối với dự án nhóm B: Không quá 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ((giảm thời gian thực hiện công trình cấp I của dự án nhóm B từ 20 ngày làm việc xuống 16 ngày làm việc)

- Đối với dự án nhóm C: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm thời gian thực hiện công trình cấp I của dự án nhóm C từ 15 ngày làm việc xuống 12 ngày làm việc)

1.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư hoặc tổ chức/cá nhân được người quyết định đầu tư/cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao chuẩn bị dự án gọi chung là Người đề nghị thẩm định.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

1.8. Phí: Theo quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, hợp lệ, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) cần tuân thủ quy định theo pháp luật về kiến trúc.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2016 của Chính phủ quy định định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định 1574/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao nhiệm vụ thẩm định, ủy quyền phê duyệt dự án và ủy quyền quyết định việc xây dựng công trình khẩn cấp thuộc

thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư xây dựng.

2. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Đối với dự án nhóm A

- Người đề nghị thẩm định nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại UBND cấp xã (cơ quan thẩm định).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan thẩm định có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ. Gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ (trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo yêu cầu tại mục 1.3); trả lại hồ sơ thẩm định bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định (Trường hợp không đúng với thẩm quyền; không thuộc đối tượng phải thẩm định; hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ); gửi văn bản đến các cơ quan liên quan xin ý kiến (nếu cần).

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản xin ý kiến thẩm định của cơ quan thẩm định; người đề nghị thẩm định thực hiện bổ sung hồ sơ theo yêu cầu; các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến phải có văn bản trả lời.

- Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung của người trình thẩm định, ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan thẩm định ra văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi người đề nghị thẩm định.

b) Đối với dự án nhóm B

- Người đề nghị thẩm định nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại UBND cấp xã (cơ quan thẩm định).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan thẩm định có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ. Gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ (trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo yêu cầu tại mục 1.3); trả lại hồ sơ thẩm định bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định (Trường hợp không đúng với thẩm quyền; không thuộc đối tượng phải thẩm định; hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ); gửi văn bản đến các cơ quan liên quan xin ý kiến (nếu cần).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản xin ý kiến thẩm định của cơ quan thẩm định; người đề nghị thẩm định thực hiện bổ sung hồ sơ theo yêu cầu; các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến phải có văn bản trả lời.

- Trong thời hạn tối đa 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung của người trình thẩm định, ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan thẩm định ra văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi người đề nghị thẩm định.

c) Đối với dự án nhóm C

- Người đề nghị thẩm định nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tại UBND cấp xã (cơ quan thẩm định).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan thẩm định có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ. Gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ (trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo yêu cầu tại mục 1.3); trả lại hồ sơ thẩm định bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định (Trường hợp không đúng với thẩm quyền; không thuộc đối tượng phải thẩm định; hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ); gửi văn bản đến các cơ quan liên quan xin ý kiến (nếu cần).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản xin ý kiến thẩm định của cơ quan thẩm định; người đề nghị thẩm định thực hiện bổ sung hồ sơ theo yêu cầu; các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến phải có văn bản trả lời.

- Trong thời hạn tối đa 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung của người trình thẩm định, ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan thẩm định ra văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi người đề nghị thẩm định.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến. Hồ sơ TTHC phải được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng dự án hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án hoặc quyết định phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đối với dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;

- Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất hoặc văn bản pháp lý khác có giá trị tương đương đối với dự án thuộc trường hợp được chuyển tiếp theo quy định pháp luật về đầu tư không có yêu cầu phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Văn bản phê duyệt phương án thiết kế kiến trúc được lựa chọn theo pháp luật về kiến trúc thông qua thi tuyển và bản vẽ kèm theo (nếu có yêu cầu thi tuyển);

- Văn bản chấp thuận/quyết định phê duyệt và các bản vẽ quy hoạch có liên quan của quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP;

- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng (nếu có);

- Các văn bản pháp lý, tài liệu khác có liên quan (nếu có);

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt;

- *Báo cáo kinh tế kỹ thuật (gồm thuyết minh và thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế công nghệ (nếu có)); Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP (nếu có);*

- Đối với dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt có yêu cầu chấp thuận danh mục tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về đường sắt, hồ sơ trình thẩm định phải có văn bản chấp thuận danh mục tiêu chuẩn của cơ quan có thẩm quyền;

- Hồ sơ tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu có liên quan về giá, định mức, báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có) để xác định tổng mức đầu tư;

- Đối với dự án có vi phạm hành chính về xây dựng đã bị xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả có yêu cầu thực hiện thẩm định, thẩm định điều chỉnh, cấp giấy phép xây dựng hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Báo cáo của chủ đầu tư về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời điểm trình thẩm định; biên bản, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cấp có thẩm quyền; Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của phần công trình đã thi công xây dựng;

- Đối với dự án sửa chữa, cải tạo, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Hồ sơ khảo sát hiện trạng, Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của công trình (trường hợp nội dung sửa chữa, cải tạo có liên quan).

- Đối với hồ sơ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên còn phải làm rõ các nội dung sau:

+ Lý do, mục tiêu điều chỉnh dự án, việc đáp ứng điều kiện điều chỉnh dự án theo pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, dự án PPP;

+ Báo cáo của chủ đầu tư hoặc cơ quan chuẩn bị dự án về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời điểm đề xuất điều chỉnh.

- *Ngoài các hồ sơ nêu trên, đối với các công trình xây dựng mới từ cấp II trở lên, người đề nghị thẩm định có trách nhiệm cung cấp dữ liệu BIM được nộp theo các định dạng chuẩn mở IFC hoặc các định dạng mở khác phù hợp với đặc*

thù, tính chất của công trình (trừ trường hợp người quyết định đầu tư quyết định việc không áp dụng BIM đối với dự án đầu tư xây dựng công trình theo tuyến, dự án đầu tư xây dựng tại khu vực có tính chất đặc thù, dự án có yêu cầu bảo đảm bí mật nhà nước)

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với dự án nhóm A: Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm thời gian thực hiện công trình cấp I của dự án nhóm A từ 25 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc)

- Đối với dự án nhóm B: Không quá 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ((giảm thời gian thực hiện công trình cấp I của dự án nhóm B từ 20 ngày làm việc xuống 16 ngày làm việc)

- Đối với dự án nhóm C: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (giảm thời gian thực hiện công trình cấp I của dự án nhóm C từ 15 ngày làm việc xuống 12 ngày làm việc)

1.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư hoặc tổ chức/cá nhân được người quyết định đầu tư/cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao chuẩn bị dự án gọi chung là Người đề nghị thẩm định.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

1.8. Phí: Theo quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, hợp lệ, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm

định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) cần tuân thủ quy định theo pháp luật về kiến trúc.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- *Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;*
- *Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2016 của Chính phủ quy định định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*
- *Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*
- *Quyết định 1574/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao nhiệm vụ thẩm định, ủy quyền phê duyệt dự án và ủy quyền quyết định việc xây dựng công trình khẩn cấp thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư xây dựng.*